

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ VĨNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 712/BC-UBND

Vĩnh Phước, ngày 11 tháng 9 năm 2026

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị và các cơ chế, chính sách hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn xã Vĩnh Phước

Căn cứ Kế hoạch số 19/KH-ĐGS ngày 10/8/2026 của Đoàn giám sát của Ban Kinh tế - Ngân sách tỉnh về “việc thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị và các cơ chế, chính sách hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn tỉnh Cà Mau”.

Thực hiện Công văn số 9301/STC-ĐKKD ngày 20/8/2026 của Giám đốc Sở Tài chính về phối hợp tham mưu UBND tỉnh báo cáo theo yêu cầu Đoàn giám sát của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh. Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Phước báo cáo tình hình thực hiện như sau:

I. TỔNG QUAN THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN KHU VỰC KINH TẾ TƯ NHÂN

Giai đoạn 2023 - 2026, khu vực kinh tế tư nhân giữ vai trò quan trọng trong tạo việc làm, lưu thông hàng hóa, cung ứng dịch vụ và huy động nguồn lực xã hội và là động lực chính thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương¹. Hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ thương mại duy trì xu hướng phát triển ổn định, tăng trưởng tích cực qua từng năm, góp phần nâng cao thu nhập bình quân cho người dân.

Trong giai đoạn này, hoạt động sản xuất, kinh doanh chịu tác động của biến động thị trường, chi phí đầu vào, sức mua và yêu cầu ngày càng cao về chuyển đổi số, hóa đơn điện tử, thuế, môi trường, an toàn thực phẩm và tuân thủ pháp luật. Sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, yêu cầu hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh tại cơ sở ngày càng trực tiếp, thường xuyên hơn.

Hoạt động kinh tế trên địa bàn chủ yếu gắn với nông nghiệp, nuôi trồng và chế biến thủy sản, thương mại - dịch vụ, xây dựng và các ngành nghề sản xuất, kinh doanh. Cơ cấu quy mô là hộ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ.

Công tác cải cách hành chính, hỗ trợ tiếp cận thông tin, chuyển đổi số, tiếp cận vốn vay, quảng bá sản phẩm và hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm từng bước được

¹ Thu từ khu vực ngoài quốc doanh trên địa bàn năm 2025 là 37.411 triệu đồng trong đó khoản thu từ thuế GTGT là 36.552 triệu đồng và thu Thuế TNDN là 795 triệu đồng; Năm 2026, tính đến 31/8/2026 thu từ khu vực ngoài quốc doanh trên địa bàn là 21.939 triệu đồng trong đó thu từ Thuế GTGT là 19.415 triệu đồng và thu Thuế TNDN là 2.388 triệu đồng

quan tâm thực hiện. Các cơ sở sản xuất, kinh doanh cơ bản chấp hành tốt các quy định của pháp luật, thực hiện nghĩa vụ thuế và tích cực tham gia các hoạt động an sinh xã hội tại địa phương.

Kết quả phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn xã như sau:

Vận động thành lập mới năm 2023 là 07 doanh nghiệp; năm 2024 là 11 doanh nghiệp; năm 2025 là 15 doanh nghiệp; từ đầu năm 2026 đến 31/8/2026 cùng với các cơ chế mới về chính sách thuế, bảo hiểm, sự phối hợp của thuế cơ sở và các ngành có liên quan vận động thành lập được 21 doanh nghiệp. Tổng số doanh nghiệp đang hoạt động đến ngày 31/8/2026 là hơn 88 doanh nghiệp đang hoạt động.

Số hợp tác xã hoạt động đến ngày 31/8/2026 là 13 hợp tác xã, trong đó 01 HTX ngưng hoạt động chưa giải thể được (còn nợ vay LMHTX tỉnh); đang phối hợp hướng dẫn lập thủ tục giải thể 01 hợp tác xã; dự kiến cuối năm thành lập mới 01 hợp tác xã.

Hộ kinh doanh thành lập trong năm 58 hộ và lũy kế số hộ đang hoạt động đến ngày 31/8/2026 là hơn 490 hộ, góp phần giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người dân và thúc đẩy phát triển kinh tế của xã.

II. VIỆC LÃNH ĐẠO, ĐIỀU HÀNH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHÁT TRIỂN KINH TẾ TƯ NHÂN

1. Công tác lãnh đạo, điều hành phát triển kinh tế tư nhân

UBND xã đã triển khai các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và các văn bản chỉ đạo của cấp trên về phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã để tổ chức triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

UBND xã đã triển khai và xây dựng Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 30/9/2025 của UBND xã Vĩnh Phước để cụ thể hóa các nội dung triển khai thực hiện trên địa bàn xã; đồng thời tham mưu Đảng ủy ban hành Kế hoạch số 31-KH/ĐU ngày 29/01/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy, về phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn xã.

Công tác tuyên truyền được quan tâm thực hiện bằng nhiều hình thức như thông qua các hội nghị, cuộc họp dân, hệ thống truyền thanh, mạng xã hội, nhóm Zalo các ấp và trong quá trình tiếp xúc, hướng dẫn doanh nghiệp, hộ kinh doanh. Nội dung tuyên truyền tập trung vào vai trò của kinh tế tư nhân, chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, lợi ích của việc chuyển đổi hộ kinh doanh lên doanh nghiệp, ứng dụng chuyển đổi số, hóa đơn điện tử, chữ ký số, tiếp cận vốn, liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

Tiếp tục rà soát các hộ kinh doanh có quy mô tương đối ổn định để vận động chuyển đổi lên doanh nghiệp. Qua đó, từng bước hình thành lực lượng doanh nghiệp địa phương có khả năng tham gia sâu hơn vào các hoạt động sản xuất, cung ứng dịch vụ, tiêu thụ sản phẩm, mở rộng thị trường và đóng góp vào tăng trưởng kinh tế của xã

2. Tình hình và kết quả thực hiện một số nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW của Bộ Chính trị và các cơ chế, chính sách hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân

a) Đẩy mạnh cải cách, hoàn thiện, nâng cao chất lượng thể chế, chính sách

Rà soát, tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 10/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 trên địa bàn tỉnh Cà Mau; Nghị quyết số 02/NQ-CP của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia; Nghị quyết số 66.16/2026/NQ-CP của Chính phủ ban hành ngày 07/04/2026 quy định việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính và các quy định liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh..

Ứng dụng triệt để chuyển đổi số nhằm cắt giảm tối đa thời gian xử lý thủ tục hành chính. Triển khai cung cấp dịch vụ công cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh không phụ thuộc vào địa giới hành chính. Trong năm 2025 - 2026, đảm bảo hoàn thành các mục tiêu và lộ trình quy định tại Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ về Chương trình cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 - 2026.

Tuyên truyền, khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân đẩy mạnh kích cầu tiêu dùng, đa dạng hoá các kênh phân phối, phát triển các nền tảng số, thương mại điện tử; tiếp tục triển khai thực chất, hiệu quả Cuộc vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam"; hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân xây dựng và quảng bá thương hiệu.

b) Cơ hội tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất, kinh doanh cho kinh tế tư nhân và đa dạng hóa nguồn vốn cho kinh tế tư nhân

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính; hướng dẫn, hỗ trợ người dân và hộ kinh doanh tiếp cận thông tin, thủ tục về đất đai theo thẩm quyền. Phối hợp với cơ quan chuyên môn trong công tác giải phóng mặt bằng, kịp thời phản ánh khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án trên địa bàn. Đồng thời, tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả quỹ đất công ích, trụ sở và tài sản công chưa sử dụng theo quy định.

Công tác hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thông tin, hỗ trợ pháp lý và tháo gỡ khó khăn, vướng mắc được quan tâm thực hiện. Các hoạt động đối thoại, gặp gỡ doanh nghiệp được tổ chức thường xuyên, tạo kênh trao đổi trực tiếp giữa chính quyền với cộng đồng doanh nghiệp; nhiều khó khăn, vướng mắc liên quan đến thủ tục đầu tư, đất đai, sản xuất kinh doanh được tiếp nhận, xem xét và xử lý kịp thời.

Phối hợp với Thuế cơ sở, Bảo hiểm xã hội cơ sở triển khai tuyên truyền, phổ biến chính sách tín dụng ưu tiên của Nhà nước đến hộ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp trên địa bàn;

Phối hợp với Trung tâm xúc tiến thương mại tỉnh hướng dẫn tiếp cận thông tin, đầu tư hỗ trợ máy móc, thiết bị, công nghệ mới, chuyển đổi xanh, chuyển đổi số và phát triển sản xuất kinh doanh

c) Thúc đẩy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong kinh tế tư nhân

Hoạt động chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và ứng dụng khoa học, công nghệ có nhiều chuyển biến tích cực. Việc số hóa hồ sơ, xử lý thủ tục hành chính trên môi trường điện tử được đẩy mạnh, góp phần rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính, đặc biệt trong lĩnh vực đất đai.

d) Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh

Ủy ban nhân dân xã xác định doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ và hộ kinh doanh là nhóm cần được quan tâm hỗ trợ thực chất, nhất là về quản trị, kế toán, thuế, bảo hiểm, vốn và chuyển đổi mô hình hoạt động.

Tuyên truyền, vận động hộ kinh doanh trên địa bàn từng bước chuyển đổi sang mô hình doanh nghiệp; hỗ trợ thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình chuyển đổi.

Phối hợp với Thuế cơ sở, Bảo hiểm xã hội cơ sở để tuyên truyền, hướng dẫn hộ kinh doanh thực hiện đúng quy định về thuế, bảo hiểm, kế toán; khuyến khích áp dụng các hình thức quản lý minh bạch, đơn giản.

Triển khai các văn bản của Sở Tài chính về Hỗ trợ thông tin, kết nối: cung cấp thông tin về các chương trình, nền tảng số, phần mềm kế toán, dịch vụ tư vấn pháp lý, đào tạo quản trị doanh nghiệp do cấp trên triển khai để hộ kinh doanh, doanh nghiệp nhỏ dễ dàng tiếp cận.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW được Đảng ủy, Ủy ban nhân dân xã quan tâm triển khai; đã ban hành kế hoạch, phân công nhiệm vụ và tổ chức tuyên truyền đến doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên địa bàn.

Số lượng doanh nghiệp, hộ kinh doanh trên địa bàn tiếp tục duy trì và có xu hướng phát triển. Công tác vận động, hỗ trợ hộ kinh doanh chuyển đổi lên doanh nghiệp được quan tâm thực hiện. Khu vực kinh tế tư nhân tiếp tục góp phần quan trọng vào tạo việc làm, lưu thông hàng hóa, cung ứng dịch vụ và nâng cao thu nhập cho người dân.

Công tác cải cách hành chính, hướng dẫn thủ tục, cung cấp thông tin và hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh được quan tâm. Việc ứng dụng dịch vụ công trực tuyến và trao đổi thông tin trên môi trường điện tử từng bước tạo thuận lợi hơn cho người dân và cơ sở sản xuất, kinh doanh.

Công khai minh bạch quy hoạch tạo điều kiện tốt nhất để khu vực kinh tế tư nhân hoạt động từng bước gắn với lợi thế của địa phương, nhất là các ngành

nghề dịch vụ, thương mại, sản xuất và các hoạt động liên quan đến kinh tế nông nghiệp, thủy sản; một số sản phẩm địa phương được quan tâm duy trì, quảng bá và nâng cao giá trị.

2. Tồn tại, hạn chế

Phần lớn doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh trên địa bàn có quy mô nhỏ, năng lực tài chính và khả năng tích lũy còn hạn chế; sức chống chịu trước biến động của thị trường và chi phí đầu vào chưa cao.

Hoạt động sản xuất, kinh doanh của một bộ phận cơ sở còn mang tính hộ gia đình, quy mô nhỏ lẻ; việc xây dựng thương hiệu, chuẩn hóa sản phẩm, mở rộng thị trường và tham gia các chuỗi liên kết còn hạn chế.

Việc tiếp cận vốn tín dụng, mặt bằng sản xuất, thông tin thị trường và các chương trình hỗ trợ của một số doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh chưa đáp ứng yêu cầu.

Ứng dụng khoa học, công nghệ, chuyển đổi số trong quản trị, bán hàng, quảng bá và truy xuất nguồn gốc sản phẩm chưa đồng đều; nhiều hộ kinh doanh vẫn còn sử dụng phương thức quản lý truyền thống.

Việc chuyển đổi từ hộ kinh doanh sang doanh nghiệp còn chậm so với tiềm năng; một số hộ còn tâm lý e ngại về thủ tục, chế độ kế toán, thuế, bảo hiểm và chi phí tuân thủ khi chuyển đổi.

Một số hợp tác xã hoạt động chưa ổn định, năng lực quản trị và khả năng liên kết tiêu thụ sản phẩm còn hạn chế; hiện có hợp tác xã ngưng hoạt động đang được hướng dẫn thực hiện thủ tục giải thể.

Liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và nông dân chưa thật bền vững; hợp đồng tiêu thụ còn ít; thị trường đầu ra một số sản phẩm nông nghiệp chưa ổn định.

Hạ tầng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, vận chuyển nông sản còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn.

3. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân khách quan

Đặc điểm kinh tế của địa phương còn phụ thuộc nhiều vào sản xuất, kinh doanh quy mô hộ gia đình và các ngành nghề có tính mùa vụ; thị trường tiêu thụ và giá cả một số mặt hàng còn biến động, ảnh hưởng đến khả năng mở rộng quy mô của cơ sở sản xuất, kinh doanh.

Doanh nghiệp và hộ kinh doanh trên địa bàn phần lớn có quy mô nhỏ nên khả năng huy động vốn, đầu tư máy móc, công nghệ và xây dựng thương hiệu còn hạn chế; việc tiếp cận nguồn lực, tín dụng và thị trường vẫn còn khó khăn.

Một số chính sách mới về phát triển kinh tế tư nhân được ban hành trong thời gian gần đây, cần tiếp tục được hướng dẫn cụ thể để cấp xã và đối tượng thụ hưởng tổ chức thực hiện thống nhất.

Hạ tầng phục vụ sản xuất, kinh doanh và chuyển đổi số ở một số khu vực chưa đồng bộ; việc kết nối giữa sản xuất với tiêu thụ, chế biến và thị trường ngoài địa phương còn hạn chế.

b) Nguyên nhân chủ quan

Công tác tuyên truyền, hướng dẫn chính sách có lúc chưa thật sự đi sâu đến từng nhóm đối tượng; khả năng tiếp cận và chủ động đăng ký tham gia các chương trình hỗ trợ của một số doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh còn hạn chế.

Năng lực quản trị, xây dựng phương án sản xuất, quản lý tài chính, ứng dụng công nghệ và phát triển thị trường của một bộ phận cơ sở sản xuất, kinh doanh chưa đáp ứng yêu cầu.

Việc phối hợp, cập nhật dữ liệu về doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh và tình hình thụ hưởng chính sách chưa có hệ thống thống nhất, dẫn đến khó khăn trong tổng hợp, đánh giá kết quả.

Nguồn lực và phạm vi thẩm quyền của cấp xã còn có giới hạn; nhiều nội dung liên quan đến đất đai, tín dụng, đầu tư, khoa học công nghệ và hỗ trợ doanh nghiệp phải phối hợp hoặc đề nghị cơ quan cấp trên hướng dẫn, giải quyết.

IV. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Tiếp tục quán triệt và tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 68-NQ/TW; tăng cường tuyên truyền để doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh nhận thức rõ quyền, trách nhiệm và cơ hội từ các cơ chế, chính sách mới. Phấn đấu từ nay đến cuối năm 2026 vận động thành lập thêm 03 doanh nghiệp.

2. Tiếp tục cải cách hành chính, nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp; đẩy mạnh hướng dẫn, tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử, hạn chế việc đi lại nhiều lần và kịp thời tháo gỡ những khó khăn thuộc thẩm quyền của xã.

3. Tập trung hỗ trợ phát triển các ngành, lĩnh vực phù hợp với điều kiện thực tế của xã, nhất là thương mại - dịch vụ, kinh tế thủy sản, chế biến sản phẩm giá trị gia tăng từ thủy sản; khuyến khích hình thành các mô hình sản xuất, kinh doanh có liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ dân.

4. Tăng cường kết nối doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh với các tổ chức tín dụng, cơ quan chuyên môn và các chương trình hỗ trợ của tỉnh; tạo điều kiện để các cơ sở có phương án sản xuất, kinh doanh khả thi tiếp cận vốn, công nghệ, mặt bằng và các nguồn lực cần thiết theo quy định.

5. Đẩy mạnh hỗ trợ chuyển đổi số theo hướng thiết thực, dễ áp dụng; khuyến khích doanh nghiệp và hộ kinh doanh sử dụng thanh toán không dùng tiền mặt, nền tảng số, thương mại điện tử, quảng bá sản phẩm trực tuyến và các giải pháp quản lý phù hợp với quy mô hoạt động.

6. Quan tâm nâng cao chất lượng các sản phẩm OCOP hiện có; hỗ trợ hoàn thiện bao bì, nhãn hiệu, truy xuất nguồn gốc, quảng bá và kết nối tiêu thụ; từng

bước xây dựng chuỗi liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ, góp phần nâng cao giá trị sản phẩm địa phương.

7. Tăng cường vận động, hướng dẫn các hộ kinh doanh đủ điều kiện chuyển đổi thành doanh nghiệp; tổ chức tuyên truyền theo từng nhóm đối tượng, làm rõ lợi ích, trình tự, thủ tục và chính sách hỗ trợ để giảm tâm lý e ngại khi chuyển đổi.

8. Củng cố hoạt động của các hợp tác xã, nhất là nâng cao năng lực quản trị, xây dựng phương án sản xuất, liên kết đầu vào - đầu ra và tìm kiếm thị trường; đồng thời rà soát, xử lý đối với các hợp tác xã không còn khả năng hoạt động theo đúng quy định.

9. Nâng cao chất lượng công tác thống kê, cập nhật dữ liệu về doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh; định kỳ rà soát tình hình hoạt động, nhu cầu hỗ trợ và kết quả thực hiện chính sách để làm cơ sở tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền.

10. Phần đầu xây dựng môi trường kinh doanh công khai, minh bạch, bình đẳng; tạo điều kiện để kinh tế tư nhân phát triển đúng pháp luật, nâng cao năng lực cạnh tranh, đóng góp ngày càng tích cực vào giải quyết việc làm, tăng thu nhập và phát triển kinh tế - xã hội của xã.

V. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Tiếp tục có hướng dẫn cụ thể, thống nhất và kịp thời để cấp xã triển khai các chính sách mới về phát triển kinh tế tư nhân, nhất là các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, hợp tác xã theo Nghị quyết số 198/2025/QH15 và Nghị định số 20/2026/NĐ-CP.

Quan tâm tổ chức các chương trình kết nối tín dụng, hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh có phương án sản xuất, kinh doanh khả thi tiếp cận nguồn vốn với thủ tục phù hợp; đồng thời tăng cường tư vấn về quản lý tài chính và lập phương án vay vốn.

Hỗ trợ địa phương kết nối với các chương trình xúc tiến thương mại, sàn thương mại điện tử, hệ thống phân phối và các doanh nghiệp đầu mối nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của xã.

Quan tâm hỗ trợ xây dựng, quảng bá và phát triển thương hiệu đối với các sản phẩm OCOP, sản phẩm đặc trưng của địa phương; hỗ trợ nâng cao chất lượng, bao bì, nhãn hiệu và truy xuất nguồn gốc.

Tăng cường các lớp tập huấn ngắn hạn, thiết thực về chuyển đổi số, thương mại điện tử, quản trị doanh nghiệp, kế toán, thuế, bảo hiểm và xây dựng thương hiệu, ưu tiên doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, hợp tác xã và hộ kinh doanh.

Tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính, tăng cường kết nối và chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước; hạn chế yêu cầu người dân, doanh nghiệp cung cấp lại những thông tin đã có trong hệ thống.

Trên đây là báo cáo về tình hình thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW của

Bộ Chính trị và các cơ chế, chính sách hỗ trợ, thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn xã Vĩnh Phước./.

Nơi nhận:

- Vp Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính (b/c);
- CT, các PCT UBND xã;
- CVP, PCV HĐND xã;
- Phòng Kinh tế.
- Lưu: VT. PKT. H.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Hoàng Lĩnh